

UBND TỈNH KON TUM  
**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Số: /SGDDĐT-KHTC  
Hướng dẫn thực hiện một số nội dung  
về thu, quản lý, sử dụng, miễn, giảm  
học phí, hỗ trợ chi phí học tập  
năm học 2021-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày tháng năm

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố
- Các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (*sau đây gọi tắt là Nghị định 81/2021/NĐ-CP*);

Căn cứ Nghị quyết số 48/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2021-2022 và không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết 48/2021/NQ-HĐND*);

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Phiếu chuyển số 3183/PC-KGVX ngày 27/10/2021 về triển khai thực hiện Nghị quyết 48/2021/NQ-HĐND; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện một số nội dung liên quan như sau:

### **1. Về thu học phí**

a) Không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh (theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 48/2021/NQ-HĐND).

b) Tổ chức thu học phí học kỳ II năm học 2021-2022 theo mức thu tại Điều 1 Nghị quyết 48/2021/NQ-HĐND.

c) Chứng từ thu học phí: Thực hiện theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 01/11/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và Công văn số 2112/UBND-KGVX ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc triển khai các phần mềm ứng dụng trong quản lý.

Trường hợp chưa đủ điều kiện để thực hiện quy định về hóa đơn điện tử, thì thực hiện áp dụng hóa đơn do cơ quan thuế đặt in theo Điều 23 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

d) Về thu học phí không dùng tiền mặt: Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ,

giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021: 100% cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thu học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, ưu tiên giải pháp thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ; Khuyến khích các cơ sở giáo dục các địa bàn còn lại thực hiện thu học phí không dùng tiền mặt.

Về chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt: Thực hiện theo Công văn số 9488/BTC-HCSN ngày 07/8/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi trả phí dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Các cơ sở giáo dục phối hợp với ngân hàng có nhiều địa điểm giao dịch ở nhiều địa phương để việc giao dịch được thuận lợi.

## **2. Về xác định đối tượng được miễn, giảm học phí; đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập**

a) Đối tượng được miễn học phí: thực hiện theo Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP và điểm e khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (miễn học phí đối với học sinh DTTS học hệ giáo dục thường xuyên).

b) Đối tượng được giảm học phí: thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

c) Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Mức hỗ trợ là 150.000 đồng/tháng theo khoản 10 Điều 20 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

d) Khi xác định đối tượng được miễn, giảm học phí và đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập, ngoài các văn bản được dẫn chiếu theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, cập nhật áp dụng thêm các văn bản sau:

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (trong đó tại Điều 2 quy định chuẩn nghèo năm 2021 tiếp tục thực hiện theo Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020).

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến

năm 2025, định hướng đến năm 2030 (miễn học phí đối với học sinh DTTS học hệ giáo dục thường xuyên).

### **3. Về nguồn kinh phí cấp bù, hồ sơ thủ tục, lập dự toán, phân bổ, quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí và không thu học phí**

a) Đối với đối tượng được miễn, giảm học phí theo Điều 15, Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP: Các đơn vị, địa phương thực hiện hồ sơ thủ tục, lập dự toán, phân bổ, quyết toán kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí từ Điều 19 đến Điều 26 Nghị định 81/2021/NĐ-CP (nguồn Ngân sách Trung ương cấp bù).

b) Đối với đối tượng được miễn học phí theo điểm e khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (miễn học phí đối với học sinh DTTS học hệ giáo dục thường xuyên):

- Hồ sơ thủ tục, lập dự toán, phân bổ, quyết toán kinh phí cấp bù miễn học phí thực hiện tương tự điểm (a) nêu trên. Lưu ý: để tránh trùng lặp đối tượng và kinh phí cấp bù ở điểm (a), chỉ tính đối tượng cấp bù sau khi loại trừ đối tượng được miễn ở điểm (a) và phần cấp bù còn lại của đối tượng được giảm ở điểm (a).

- Nguồn kinh phí cấp bù: Ngân sách tỉnh.

c) Đối với đối tượng không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 (theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 48/2021/NQ-HĐND<sup>1</sup>):

- Hồ sơ thủ tục, lập dự toán, phân bổ, quyết toán kinh phí cấp bù miễn học phí thực hiện tương tự điểm (a) nêu trên. Lưu ý: để tránh trùng lặp đối tượng và kinh phí cấp bù ở điểm (a) và điểm (b), chỉ tính đối tượng cấp bù sau khi loại trừ đối tượng được miễn ở điểm (a), điểm (b) và phần cấp bù còn lại của đối tượng được giảm ở điểm (a).

- Nguồn kinh phí cấp bù theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 48/2021/NQ-HĐND (Ngân sách Nhà nước cấp bù cho các cơ sở giáo dục có đối tượng không thu học phí tại Khoản 1 Điều này theo phân cấp ngân sách hiện hành): Ngân sách tỉnh cấp bù cho các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT, ngân sách cấp huyện cấp bù cho các đơn vị thuộc UBND huyện, thành phố quản lý.

### **4. Về quản lý và sử dụng học phí và các nguồn kinh phí cấp bù**

Các cơ sở GDĐT quản lý, sử dụng học phí (bao gồm cả các nguồn kinh phí cấp bù cho đối tượng được miễn, giảm, cấp bù cho đối tượng không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022) theo Điều 13 Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Lưu ý một số điểm:

- Cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm mở tài khoản giao dịch về học phí tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý, sử dụng học phí.

---

<sup>1</sup> Không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 đối với trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Trong trường hợp phát sinh khoản thu học phí bằng tiền mặt thì định kỳ, đơn vị phải làm thủ tục chuyển (nộp) toàn bộ học phí đã thu bằng tiền mặt còn dư tại quỹ vào tài khoản của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý theo quy định.

- Các cơ sở giáo dục công lập quy định nội dung chi học phí và các nguồn kinh phí cấp bù cho đối tượng được miễn giảm, cấp bù cho đối tượng không thu học phí học kỳ I năm học 2021-2022 trong quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó trích tối thiểu 40% tổng nguồn (thu học phí và kinh phí được cấp bù) để thực hiện cải cách tiền lương.

Các văn bản được dẫn chiếu trong hướng dẫn này được đăng tải trên website của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thu, quản lý, sử dụng, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2021-2022. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ sở giáo dục đào tạo phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo để phối hợp cùng Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn, bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi (t/h);
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TC; Sở LĐTBXH (p/h);
- Huyện uỷ, Thành uỷ, UBND huyện, TP (p/h);
- KBNN tỉnh, các huyện (p/h);
- Cục Thuế; các Chi cục thuế huyện, TP (p/h);
- Phòng TC-KH các huyện, TP (p/h);
- Phòng Lao động-TBXH huyện, TP (p/h);
- Website Sở GDĐT (đăng tải);
- Lưu VT, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Thị Trung**